

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
PHÂN HIỆU ĐHQG-HCM
TẠI TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18 /QĐ-PHĐHQG

Bến Tre, ngày 29 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành “Đề án tuyển sinh năm 2024”

GIÁM ĐỐC PHÂN HIỆU ĐHQG-HCM TẠI TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2411/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Bến Tre;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-ĐHQG ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-ĐHQG ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 707/QĐ-ĐHQG ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Đề án tuyển sinh năm 2024” của Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Đề án tuyển sinh năm 2024 có thể được điều chỉnh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc căn cứ vào tình hình tuyển sinh thực tế của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan và Hội đồng tuyển sinh năm 2024 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- ĐHQG-HCM (b/c);
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, ĐT.



Phạm Huỳnh Minh Hùng

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 18/QĐ-PHDHQG ngày 29 tháng 5 năm 2024)

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng kế hoạch tuyển sinh)

1. Tên cơ sở đào tạo: PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TẠI TỈNH BẾN TRE

2. Mã trường: QSP

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

STT	Loại cơ sở đào tạo	Tên cơ sở đào tạo	Địa điểm	Diện tích đất	Diện tích xây dựng
1	Cơ sở đào tạo chính	Phân hiệu Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Bến Tre	số 99A, quốc lộ 60, KP 1, phường Phú Tân, tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre	54.766,4 m ²	6132.3

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: <http://vnuhcm-cbt.edu.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
<https://www.facebook.com/PHDHQGTPHCM BENTRE/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0275 3818 000; 094 3818 000

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre thực hiện tuyển sinh và đào tạo từ năm 2020, hiện nay chưa có sinh viên tốt nghiệp.

8. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của CSĐT:

- Năm 2022: <http://vnuhcm-cbt.edu.vn/tuyen-sinh3426326/tuyen-sinh-2022/>

- Năm 2023: <https://bit.ly/Deantuyensinh2023>

8.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	Ghi chú
1	Năm tuyển sinh 2023		x		
2	Năm tuyển sinh 2022		x		

8.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất

TT	Lĩnh vực/ Ngành/Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Năm 2022			Năm 2023		
			Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Kiến trúc và xây dựng							
1.1	Xây dựng							
1.1.1	Kỹ thuật xây dựng	Xét tuyển	50	31	17	50	13	17
1.1.1.1	Toán, Vật lí, Hóa học	Xét tuyển						
1.1.1.2	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Xét tuyển						
1.1.1.3	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh	Xét tuyển						

51
 PHA
 I HO
 . HO
 TA
 BÊ

9. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Đường link công khai danh mục ngành được phép đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://vnuhcm-cbt.edu.vn/tuyen-sinh3426326/tuyen-sinh-2023/danh-muc-nganh-duoc-phep-dao-tao/>

T T	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành văn bản chuyển đổi mã hoặc tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ ban hành hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	278/QĐ- ĐHQG	20/04/2020			ĐHQG-HCM	2020	2022

10. Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://bit.ly/DBCL2024>

11. Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <http://vnuhcm-cbt.edu.vn/tuyen-sinh3426326/tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2024/de-an-tuyen-sinh-nam-2024/>

12. Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://bit.ly/3XsKChW>

13. Đường link công khai Quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: năm 2024, CSĐT không tổ chức thi tuyển sinh.

14. Đường link công khai Đề án tổ chức thi (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi) trên trang thông tin điện tử của CSĐT: năm 2024, CSĐT không tổ chức thi tuyển sinh.

II. Tuyển sinh đào tạo chính quy

1. Tuyển sinh chính quy đại học, cao đẳng (ngành Giáo dục Mầm non)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định tại mục 1.5;
- Có đủ sức khỏe học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ xét tuyển theo quy định.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Điều 8) (1%-3%)

Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi, tài năng theo quy định của ĐHQG-HCM (1%-3%)

Phương thức 3: Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM (3% - 4%)

Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024 (45% - 50%)

Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (15% - 25%).

Phương thức 6: Xét tuyển dựa trên học bạ THPT kết hợp các điều kiện khác

- Phương thức 6.1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024 (5% - 10%)
- Phương thức 6.2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (5% - 10%)
- Phương thức 6.3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp phỏng vấn (10% - 20% tổng chỉ tiêu)

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

T T	Trình độ đào tạo	Mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã phươn g thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4			
							Tổ hợp môn	Môn chín h	Tổ hợp môn	Môn chín h	Tổ hợp môn	Môn chín h	Tổ hợp môn	Môn chín h		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)		
1.	Đại học	7580201	Kỹ thuật xây dựng	301	Xét tuyển thăng theo quy định của Quy chế tuyển sinh	1	XTT									
				303	UTXT thăng TS giỏi, tài năng theo quy định ĐHQG	1										
				302	UTXT theo quy định ĐHQG	2										
				401	Xét tuyển dựa vào Điểm thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức 2024	23	NL1									
				414	Kết hợp KQHT cấp THPT với phỏng vấn	8	HB3									
				500	Kết hợp KQHT cấp THPT với điểm ĐGNL 2024	3	HB1									

¹ Tổ hợp xét tuyển được hiểu là: tổ hợp môn xét tuyển kết quả điểm thi THPT, kết quả học tập cấp THPT hoặc các thông tin khác do trường tự khai báo

T T	Trình độ đào tạo	Mã ngành/nhóm ngành xét tuyển	Tên ngành/nhóm ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển ¹ 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
				410	Kết hợp KQ học tập cấp THPT với CC quốc tế	2	HB2							
				100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2024	10	A00	Toán	A01	Toán	D90	Toán		

1.5. Ngưỡng đầu vào.

- a) Phương thức 1 – Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- b) Phương thức 2 – Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi, tài năng theo quy định của ĐHQG-HCM
- c) Phương thức 3 – Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM
- d) Phương thức 4 – Xét tuyển dựa trên kết quả Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024: thí sinh đạt từ ngưỡng 600 điểm trở lên (đã cộng điểm ưu tiên);
- e) Phương thức 5 – Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024: thí sinh đạt ngưỡng 15 điểm cho tổng 3 môn theo tổ hợp quy định (đã cộng điểm ưu tiên, điểm môn Toán ≥ 5.0 điểm);
- f) Phương thức 6 – Xét tuyển dựa trên học bạ THPT kết hợp các điều kiện khác:
- Phương thức 6.1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2023: thí sinh đạt từ ngưỡng ≥ 15 điểm, tính theo công thức sau:
Điểm đăng ký xét tuyển (Điểm ĐKXT) = 1 * (Điểm ĐGNL * 10/1200) + 2 * Điểm trung bình học bạ (TBHB) 5 học kỳ
 - Phương thức 6.2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: điểm TBHB 5 học kỳ $\geq 6,0$.
 - Phương thức 6.3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp phỏng vấn: điểm TBHB 5 học kỳ $\geq 6,0$.
- Lưu ý: điểm TBHB 5 học kỳ bao gồm: học kỳ 1 và học kỳ 2 lớp 10, lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường: mã trường, mã ngành/ nhóm ngành xét tuyển, mã phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

Stt	Mã đơn vị	Mã ngành tuyển sinh	Ngành tuyển sinh	Chỉ tiêu tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển	Chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp
1	QSP	7580201	Kỹ thuật xây dựng	50	A00 (Toán – Lý – Hóa) A01 (Toán – Lý – Tiếng Anh) D90 (Toán – Tiếng Anh – KHTN) NL1 (Bài thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM năm 2024) HB1 (Kết hợp KQ học tập cấp THPT với điểm ĐGNL 2024) HB2 (Kết hợp KQ học tập cấp THPT với CC quốc tế) HB3 (Kết hợp KQ học tập cấp THPT với phỏng vấn)	Như nhau, không chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp trong cùng 1 phương thức xét tuyển

Điểm xét tuyển (ĐXT):

- *Phương thức 4:* Điểm kỳ thi đánh giá năng lực năm 2024 của ĐHQG-HCM cộng điểm ưu tiên khu vực (UTKV) và đối tượng;

- *Phương thức 5:* Tổng điểm 03 môn thi/bài thi của tổ hợp môn xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm UTKV và đối tượng; điểm xét tuyển bằng nhau giữa các tổ hợp. Trường hợp có nhiều thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng nhau thì điều kiện so sánh là thí sinh có điểm môn Toán cao hơn.

- *Phương thức 6:*

▪ Phương thức 6.1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024

$$\text{ĐXT} = 1 * (\text{Điểm ĐGNL} * 10/1200) + 2 * \text{Điểm TBHB 5 học kỳ}$$

▪ Phương thức 6.2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

$$\text{ĐXT} = 1 * \text{Điểm TBHB 5 học kỳ} + 2 * \text{điểm quy đổi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế}$$

Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

TT	Điểm Anh văn theo chuẩn B1-CEFR và tương đương	Điểm quy đổi
1	PET/B1-CEFR: 140-152 (IELTS 5.0-5.5)	8,0
2	PET/B1-CEFR: 153-159 (IELTS 6.0)	9,0
3	PET/B1-CEFR: 160-170 / B2-CEFR (IELTS \geq 6.5)	10,0

- Phương thức 6.3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp phỏng vấn
 $DXT = 1 * \text{Điểm TBHB 5 học kỳ} + 2 * \text{Điểm phỏng vấn}$

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển.

** Xét tuyển sớm

Tổ chức xét tuyển sớm đối với các phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024; Xét tuyển dựa trên kết quả cấp THPT kết hợp các điều kiện khác.

- Phương thức 4 – Xét tuyển dựa trên kết quả Đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024
- Điều kiện đăng ký: Thí sinh có kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024 đạt ngưỡng đầu vào.
- Cách thức đăng ký: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại cổng thông tin <https://thinangluc.vnuhcm.edu.vn/dgnl/> của ĐHQG-HCM.
- Thời gian ĐKXT: cùng với thời gian đăng ký thi ĐGNL đợt 2, từ ngày 16/04/2024 đến ngày 07/05/2024
- Thời gian xét tuyển, lọc ảo, công bố kết quả: trước kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.
- Phương thức 6: Xét tuyển dựa vào kết quả cấp THPT kết hợp các điều kiện khác:

Phương thức 6.1: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024

- Điều kiện đăng ký: thí sinh có kết quả kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2024 và đạt ngưỡng đầu vào.
- Cách thức đăng ký: thí sinh đăng ký trực tuyến/trực tiếp tại Phân hiệu ĐHQG-HCM.
- Thời gian đăng ký: từ ngày 15/05/2024 đến hết ngày 15/06/2024.
- Thời gian xét tuyển và công bố kết quả dự kiến (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT): ngày 30/06/2024.

Phương thức 6.2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp với chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

- Điều kiện đăng ký: thí sinh có điểm TBHB 5 học kỳ đạt ngưỡng chất lượng đầu vào và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.
- Cách thức đăng ký: thí sinh đăng ký trực tuyến/trực tiếp tại Phân hiệu ĐHQG-HCM.
- Thời gian đăng ký: từ ngày 15/05/2024 đến hết ngày 15/06/2024.
- Thời gian công bố kết quả dự kiến (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT): trước ngày 30/06/2024.

Phương thức 6.3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT kết hợp phỏng vấn

- Điều kiện đăng ký: thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2022 đến năm 2024, có điểm TBHB 5 học kỳ đạt ngưỡng chất lượng đầu vào.
- Cách thức đăng ký: thí sinh đăng ký trực tuyến/trực tiếp tại Phân hiệu ĐHQG-HCM.
- Thời gian đăng ký: từ ngày 15/05/2024 đến hết ngày 15/06/2024.
- Thời gian phỏng vấn dự kiến: từ ngày 19/06/2024 đến ngày 23/06/2024.
- Thời gian công bố kết quả dự kiến (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT): trước ngày 30/06/2024.

Lưu ý: đối với các phương thức xét tuyển sớm, thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển phải đăng ký nguyện vọng trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

**** Xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GD & ĐT:** Đối với các phương thức xét tuyển còn lại thì tổ chức tuyển sinh theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT năm 2024

- Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy chế của Bộ GD & ĐT quy định năm 2024

Thời gian, hình thức, điều kiện xét tuyển: theo kế hoạch tuyển sinh chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

- Điều kiện đăng ký: thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục 1.5
- Cách thức và thời gian đăng ký: thí sinh đăng ký trên cổng thông tin của theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2024 của Bộ GD&ĐT.



1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Phân hiệu ĐHQG-HCM thực hiện xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của ĐHQG-HCM.

Đối với thí sinh thuộc diện đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên sẽ căn cứ theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển: 25.000 đồng/nguyên vọng (phương thức)

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

Học phí bình quân dự kiến: 7.000.000 - 9.000.000 đồng/sinh viên/học kỳ (tùy theo số tín chỉ được bố trí thực tế của học kỳ).

Lộ trình tăng học phí từng năm từ năm học 2024-2025 trở đi, Phân hiệu ĐHQG-HCM thực hiện theo quy định của Chính phủ, nguyên tắc thu học phí như sau:

+ **Năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026:** căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Nghị định số 97/NĐ-CP ngày 31/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; Quyết định số 1567/QĐ-ĐHQG ngày 08/11/2023 về việc giao tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho Phân hiệu ĐHQG-HCM, Phân hiệu ĐHQG-HCM là đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (Nhóm 3), do đó, đơn vị áp dụng nguyên tắc quy đổi mức thu học phí của một tín chỉ đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định về mức trần thu học phí của từng năm học.

+ **Các năm tiếp:** căn cứ vào mức độ tự chủ tài chính được giao và các quy định về mức thu học phí của đào tạo bậc đại học chính quy của cơ sở giáo dục công lập, đơn vị dự kiến điều chỉnh lộ trình phù hợp tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo với tỷ lệ tăng dự kiến không quá 15%/năm.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

- Tuyển sinh đợt 1: Thực hiện tuyển sinh đợt 1 theo Kế hoạch chung của Bộ GD & ĐT.

III. Tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm: (Mẫu số 01)

Năm 2024, Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre chưa triển khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm.

IV. Tuyển sinh đào tạo từ xa: (Mẫu số 02)

Năm 2024, Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre chưa triển khai tuyển sinh đào tạo từ xa. ✓

Cán bộ kê khai

Bến Tre, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Họ tên: Lê Thị Thảo

Điện thoại: 0975437202

Email: ltthao@vnuhcm.edu.vn



Mẫu số 01: Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học**III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học****1. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT**

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

1.2. Phạm vi tuyển sinh.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.										
2.										

1.5. Ngưỡng đầu vào.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

1.8. Chính sách ưu tiên.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).



1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

1.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

2. Tuyển sinh đào tạo đại học, cao đẳng vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh.

2.2. Phạm vi tuyển sinh.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển).

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức xét tuyển và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

2.5. Ngưỡng đầu vào.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

2.8. Chính sách ưu tiên.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có).

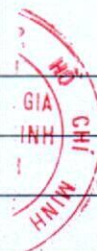
2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Mẫu số 03: Báo cáo các điều kiện đảm bảo chất lượng**CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG****1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2023 (Người học)**

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC		
1	Tiến sĩ		
1.1	Lĩnh vực....		
1.1.1	Ngành....		
2	Thạc sĩ		
2.1	Lĩnh vực...		
2.1.1	Ngành....		
B	ĐẠI HỌC		93
3	Đại học chính quy		93
3.1	Chính quy		93
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học		
3.1.1.1	Lĩnh vực ...		
3.1.1.1.1	Ngành...		
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		93
3.1.2.1	Lĩnh vực kiến trúc, xây dựng		93
3.1.2.1.1	Ngành Kỹ thuật xây dựng	7580201	93
3.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
3.2.1	Lĩnh vực...		
3.2.1.1	Ngành...		
3.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
3.3.1	Lĩnh vực...		
3.3.1.1	Ngành....		
3.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
3.4.1	Lĩnh vực...		
3.4.1.1	Ngành....		

STT	Trình độ/ lĩnh vực/ ngành đào tạo	Mã lĩnh vực/ngành	Quy mô đào tạo
4	Đại học vừa làm vừa học		
4.1	Vừa làm vừa học		
4.1.1	Lĩnh vực...		
4.1.1.1	Ngành...		
4.2	Đối tượng từ trung cấp lên đại học		
4.2.1	Lĩnh vực...		
4.2.1.1	Ngành....		
4.3	Đối tượng từ cao đẳng lên đại học		
4.3.1	Lĩnh vực...		
4.3.1.1	Ngành...		
4.4	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên		
4.2.1	Lĩnh vực...		
4.2.1.1	Ngành....		
5	Từ xa		
5.1	Lĩnh vực...		
5.1.1	Ngành...		
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON		
6	Cao đẳng chính quy		
6.1	Chính quy		
6.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
6.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		
7	Cao đẳng vừa làm vừa học		
7.1	Vừa làm vừa học		
7.2	Đối tượng từ trung cấp lên cao đẳng		
7.3	Đào tạo đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng		



d

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

2.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường (ha): 5,476 ha
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 153
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 65,94 m²/sinh viên.

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	20	1.945,3
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	845,3
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	0	0
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	13	910
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	3	120
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	3	70
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	611
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	5	3.576
	Tổng	26	6.132,3

2.2 Các thông tin khác

2.2.1 Thông tin về các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

- Phòng thí nghiệm tại Phân hiệu ĐHQG-HCM: hiện nay tại Phân hiệu ĐHQG-HCM có phòng thực hành thí nghiệm hóa lý với đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho thí nghiệm hóa, thí nghiệm vật lý.

- Phòng thí nghiệm tại Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM: Theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHQG ngày 01 tháng 9 năm 2020 của ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tạm thời Quản lý, sử dụng cơ sở vật chất dùng chung trong ĐHQG-HCM; và theo Biên bản thỏa thuận hợp tác giữa Phân hiệu ĐHQG-HCM tại tỉnh Bến Tre và Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM ngày 20 tháng 3 năm 2020 về nội dung phối hợp triển khai đào tạo các môn học thí nghiệm, thực hành trong chương

trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng tại Phân hiệu ĐHQG-HCM: Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM hỗ trợ Phân hiệu ĐHQG-HCM về đội ngũ giảng viên hướng dẫn thí nghiệm và cơ sở vật chất phòng thí nghiệm, thực hành đối với các môn thí nghiệm của ngành Kỹ thuật xây dựng.

2.2.2 Thông tin về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo..., tạp chí, kể cả ebook, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số lượng
1	Khối ngành/Nhóm ngành I	890
2	Khối ngành II	387
3	Khối ngành III	1195
4	Khối ngành IV	1270
5	Khối ngành V	1917
6	Khối ngành VI	110
7	Khối ngành VII	1464

3. Danh sách giảng viên

3.1 Danh sách giảng viên toàn thời gian

Stt	Họ và tên	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
					Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học
1	Nguyễn Minh Tâm	PGS	Tiến sĩ	Xây dựng – Địa cơ nền móng		Kỹ thuật xây dựng
2	Nguyễn Đình Tứ	PGS	Tiến sĩ	Địa chất công trình - Địa chất thủy văn		Kỹ thuật xây dựng
3	Nguyễn Ninh Thụy	PGS	Tiến sĩ	Kỹ thuật Xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
4	Đỗ Đại Thắng		Tiến sĩ	Kết cấu công trình		Kỹ thuật xây dựng
5	Vũ Quốc Hoàng		Tiến sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
6	Đào Phú Yên		Thạc sĩ	Kỹ thuật XD công trình DD&CN		Kỹ thuật xây dựng
7	Lê Thị Thảo		Thạc sĩ	Địa kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
8	Lưu Trần Hữu Tín		Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng		Kỹ thuật xây dựng
9	Phạm Huỳnh Minh Hùng		Tiến sĩ	Triết học		Kỹ thuật xây dựng
10	Lê Hùng Vũ		Tiến sĩ	Giáo dục - chuyên ngành Giảng dạy		Kỹ thuật xây dựng

3.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ ĐH, trình độ CĐ ngành GDMN.

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Ngành tham gia giảng dạy	
						Tên ngành cao đẳng	Tên ngành đại học

